



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 10 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm khoa học
Laboratory: *Laboratory for Marine Sciences*

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: Viện nghiên cứu Hải Sản
Organization: *Research institute for Marine Fisheries*

Số hiệu/ Code: VILAS 1235

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Hóa
Field: *Chemical*

Người quản lý: Trần Thị Nga
Laboratory manager: *Tran Thi Nga*

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: Từ ngày/ from / 10 /2025 đến ngày/ to 12/10/2030

Địa chỉ/ Address: Số 224 đường Lê Lai, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
No. 224 Le Lai Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City

Địa điểm/Location: Số 224 đường Lê Lai, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
No. 224 Le Lai Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City

Điện thoại/ Tel: (84-4) (84) 225 383 6656

E-mail: vt_vnchs@mae.gov.vn

Website: www.rimf.org.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 1235

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of Testing: *Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Thủy sản và sản phẩm thủy sản <i>Fishery and fishery products</i>	Xác định hàm lượng Nitơ tổng số tính protein thô. <i>Determination of total Nitrogen and crude Protein content</i>	Dạng rắn/ <i>solid</i> : 0,39 % Dạng lỏng/ <i>Liquid</i> : 1,2 g/L	HDPP/03:2025 (Ref. NMKL 06:2003)
2.		Xác định tổng số hàm lượng Nitơ bazơ bay hơi <i>Determination of total volatile basic nitrogen content</i>	5 mg/100g	HDPP/01:2025 (Ref. TCVN 9215:2012)
3.		Xác định hàm lượng Nitơ amoniac. <i>Determination of nitrogen amonia content</i>	Dạng lỏng/ <i>Liquid</i> : 0,7 g/L Dạng rắn/ <i>solid</i> : 2,9 mg/100g	HDPP/02:2025 (Ref. TCVN 3706:1990)
4.		Xác định pH <i>Determination of pH</i>	(2~11)	HDPP/05:2025 (Ref. TCVN 4835:2002)
5.		Xác định hàm lượng Nitơ phi protein (NPN) <i>Determination of none Protein content (NPN)</i>	0,3 %	HDPP/06:2026 (Ref. A.D. Woyewodal et al. 1986. Recommended Laboratory Methods for Assessment of Fish Quality)
6.		Xác định chỉ số Peroxit <i>Determination of Peroxide index</i>	0,8 meqO ₂ /kg	HDPP/04:2025 (Ref. TCVN 6121:2018)

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia/Vietnam National Standard
- NMKL: Hội phân tích thực phẩm Bắc Âu/ Nordic Committee on Food Analysis
- HDPP:...Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory developed method

Trường hợp Viện nghiên cứu Hải Sản cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Viện nghiên cứu Hải Sản phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Research institute for Marine Fisheries that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

